TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 15 - 5 - 2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Trọng Tính
2. Ông Phạm Văn Khuyến

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 23-4-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 09-5-2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,

Trụ sở: số 02, Phường H, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn N – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh R, Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Mạnh C – Chức vụ: Trưởng phòng, Phòng kinh doanh, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh R, Bình Phước.

2/ *Bị đơn*: Ông Vương Văn B, sinh năm 1988,

Địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Đào Thị H, sinh năm 1951,

Địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn ông Bình; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H vắng mặt. Những người còn lại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Phạm Mạnh C trình bày:

Vào ngày 23-5-2017, ông Vương Văn B ký hợp đồng tín dụng số: HĐTD 5607-LAV-201701749 với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh R, Bình Phước, với nội dung sau: Ông Vương Văn B vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, tính từ ngày nhận nợ (23-5-2017), mục đích vay để nuôi bò thịt, lãi suất vay 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 10,5%/năm so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Đảm bảo cho khoản vay, vào ngày 23-5-2017 ông B ký hợp đồng số 149D- 2017/HĐTC thế chấp cho Ngân hàng tài sản là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.382 m^2, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: BC 629154; và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 8.490 m^2, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: BC 629153. Hai thửa đất trên Ủy ban nhân dân huyện M (cũ), tỉnh Bình Phước cấp ngày 15-9-2010 cho ông Vương Văn B đứng tên. Các thửa đất đều tọa lạc tại thôn 7, xã H, huyện M nay là huyện R, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến hạn ông B không thanh toán nợ gốc và nợ lãi mặc dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vương Văn B thanh toán số tiền đã vay và lãi suất cụ thể như sau:

Nợ gốc 150.000.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 23-5-2017 đến ngày 23-5-2018 với số tiền là 10.645.834 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 24-5-2018 đến ngày 15-5-2019 với số tiền là 15.618.750 đồng. Tổng số tiền tính đến ngày 15-5-2019 phải thanh toán là: 176.264.584 đồng. Đối với số tiền lãi phạt chậm trả Ngân hàng không yêu cầu thanh toán.

Trong trường hợp ông B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền nợ gốc và nợ lãi thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Vương Văn B vắng mặt nên không có bản lời khai.

Theo bản lời khai ngày 08-3-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H trình bày:

Bà H là mẹ ruột của ông B**.** Vào ngày 23-5-2017 ông Bình ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh R số tiền 150.000.000 đồng, ông B là người trực tiếp vay nợ Ngân

hàng, nhưng sử dụng số tiền trên vào mục đích gì thì bà H không biết. Khi vay bà H biết B có thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vương Văn B cho Ngân hàng.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh R khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ, bà H không có ý kiến gì. Việc B vay tiền của Ngân hàng thì ông B có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, nếu không trả được đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự thực hiền đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 429, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Đây là vụ án dân sự tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức có đăng ký kinh doanh, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* bị đơn hiện có địa chỉ và cư trú tại xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Vương Văn B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã trình bày rõ ý kiến, quan điểm của mình và đã được tòa án tống đạt văn bản tố tụng tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng bà H vắng mặt không có lý do; còn ông B đã được tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc ông Vương Văn B trả cho Ngân hàng số tiền đã vay 150.000.000 đồng. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nguyên đơn cung cấp hợp đồng tín dụng số: HĐTD 5607-LAV-201701749 ngày 23-5-2017 có chữ ký của hai bên. Hơn nữa, sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án bị đơn ông B cũng không phản

đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định ông Vương Văn B có ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn Ngân hàng để vay số tiền 150.000.000 đồng và hiện chưa thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng. Do vậy, cần buộc ông Vương Văn B thanh toán số tiền đã vay nêu trên cho ngân hàng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn. Xét thấy, việc bị đơn ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để vay số tiền 150.000.000 đồng, các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 10.5% so với lãi suất vay đã thỏa thuận, nhưng bị đơn không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Cụ thể, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 23-5-2017 đến ngày 23-5-2018 còn nợ số tiền là 10.645.834 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 24-5-2018 đến ngày 15-5-2019 với số tiền là 15.618.750 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 15-5-2019 là 176.264.584 đồng. Do đó, buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền trên cho nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về yêu cầu tính lãi phạt do chậm thanh toán lãi. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Vương Văn B ký hợp đồng số 149D- 2017/HĐTC thế chấp cho Ngân hàng tài sản là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.382 m^2, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: BC 629154; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 8.490 m^2, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: BC 629153. Hai thửa đất trên Ủy ban nhân dân huyện M (cũ), tỉnh Bình Phước cấp ngày 15-9-2010 cho ông Vương Văn B đứng tên và hiện nay tọa lạc tại thôn 7, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước. Hợp đồng thế chấp giữa các bên tuân thủ đúng quy định tại Điều 317 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Do đó, trong trường hợp ông B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Căn cứ đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ của nguyên đơn Ngân hàng, vào ngày 27-3-2019 Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp với chi phí 3.000.000 đồng. Số tiền này buộc bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn là phù hợp.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vương Văn B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 228 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 323, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90 và 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Buộc ông Vương Văn B thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, tổng số tiền là: 176.264.584 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng*). Trong đó: nợ gốc 150.000.000 đồng, tổng nợ lãi tính đến ngày 15-5-2019 là 26.264.584 đồng.

Ngoài ra, ông Vương Văn B còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16-5-2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng ký ngày 23-5-2017 cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi ông Vương Văn B hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có trách nhiệm trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Vương Văn B

Trường hợp ông Vương Văn B không thanh toán hoặc thanh toán không đúng hạn các khoản nợ trên thì nguyên đơn ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3382 m^2, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: BC 629154; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 8490 m^2, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: BC 629153 đều do Ủy ban nhân dân huyện M (cũ) cấp ngày 15-9-2010 cho ông Vương Văn B. Hiện các thửa đất tọa lạc tại thôn 7, xã H, huyện R, tỉnh Bình Phước để thu hồi nợ.

Số tiền thu được sau khi phát mãi tài sản nếu không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì ông B có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho đến khi đủ cho Ngân hàng, trường hợp còn dư thì trả lại cho ông Vương Văn B.

2/ Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Buộc ông Vương Văn B thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Vương Văn B phải nộp 8.813.000 đồng (*Tám triệu, tám trăm mười ba nghìn đồng*).

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng (*Bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 026817 ngày 24-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Vương Văn B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- CC THA DS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Văn Dương